

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG THUỘC MIỀN ĐÔNG VÀ MIỀN TÂY NAM BỘ

VÕ VĂN LỘC\*

### TÓM TẮT

Bài viết đề cập một số biện pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên (GV) các trường đại học (ĐH) địa phương thuộc miền Đông (MĐ) và miền Tây Nam Bộ (MTNB). 5 nhóm biện pháp được khảo sát, gồm: Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Cơ quan ban ngành; nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Trường ĐH; nhóm biện pháp về nâng cao năng lực NCKH; nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước; nhóm biện pháp về chuyển giao công nghệ (CGCN) đều được đánh giá là khả thi.

**Từ khóa:** biện pháp, năng lực nghiên cứu khoa học, biện pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

### ABSTRACT

#### *A number of methods to improve scientific research capability of the lecturers in universities in Southeastern and Southwestern Vietnam*

The paper discusses a number of methods to improve scientific research capability of lecturers in universities in Southeastern and Southwestern Vietnam. With five solution groups are examined: the solution group of the organization, management and investment of funds, Agencies and sectors equipments; the solution group of the organization, management and investment of funds, University equipments; the solution group of improving scientific research capability, the solution group of domestic and international cooperation, the solution group of transferring technology, are assessed to be viable.

**Keywords:** methods, scientific research capability, methods to improve scientific research capability.

### 1. Đặt vấn đề

Thực tiễn cho thấy, hoạt động NCKH cùng với chất lượng đào tạo là một trong hai nhiệm vụ quan trọng đối với bất cứ một trường học. Phải khẳng định rằng, hoạt động NCKH luôn đi đôi và gắn liền với chất lượng đào tạo. Việc nâng cao năng lực NCKH cho GV các trường ĐH để góp phần vào việc nâng cao chất lượng hoạt động NCKH là con

đường ngắn và hiệu quả nhất để nâng cao chất lượng đào tạo tại trường. Nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH địa phương thuộc MĐ và MTNB góp phần phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ cán bộ GV, dựa vào tình hình hoạt động NCKH tại trường.

Nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH địa phương là góp phần đưa hoạt động NCKH và CGCN của ĐH

\* PGS TS, Trường Đại học Sài Gòn; Email: loc@sgu.edu.vn

Việt Nam phát triển lên một tầm cao mới, tiếp cận với hoạt động NCKH của các trường ĐH trọng điểm trong cả nước và trên thế giới. Sự CGCN, áp dụng vào thực tiễn các sản phẩm nghiên cứu đề tài dưới dạng sản xuất thử nghiệm hay hợp đồng sản xuất sẽ tạo một bước chuyển mới, đem đến diện mạo mới cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và CGCN của các trường ĐH địa phương thuộc MĐ và MTNB.

Đề xuất các biện pháp thích hợp để nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH địa phương, góp phần vào việc nâng cao chất lượng hoạt động khoa học của các trường ĐH địa phương đó là vấn đề cần thiết mang ý nghĩa tích cực.

## 2. Nội dung

### 2.1. Công cụ khảo sát

Công cụ khảo sát là phiếu hỏi thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý phụ trách quản lý hoạt động NCKH của GV và GV tại các trường ĐH địa phương thuộc MĐ và MTNB. Phiếu hỏi này được triển khai sau một thời gian tập hợp và phân tích kết quả nghiên cứu các biện pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa của GV các trường ĐH địa phương thuộc MĐ và MTNB.

Phiếu hỏi nhằm thu thập sự đánh giá của cán bộ quản lý và GV về mức độ đồng ý và mức độ khả thi đối với các biện pháp trong năm nhóm biện pháp

nâng cao năng lực NCKH của GV tại các trường ĐH địa phương thuộc MĐ và MTNB.

Các nhóm biện pháp nâng cao năng lực NCKH của GV tại các trường ĐH địa phương thuộc MĐ và MTNB bao gồm:

- Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Cơ quan ban ngành;
- Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Trường ĐH;
- Nhóm biện pháp về nâng cao năng lực NCKH;
- Nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước;
- Nhóm biện pháp về CGCN.

### 2.2. Kết quả khảo sát

#### 2.2.1. Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Cơ quan ban ngành (xem bảng 1)

Các biện pháp trong nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Cơ quan ban ngành đều được đánh giá là khả thi trong việc nâng cao năng lực NCKH của GV. Các biện pháp này đều tập trung vào các cấp lãnh đạo, chính vì vậy các cơ quan ban ngành có liên quan trong nhóm biện pháp cần có sự quan tâm đến việc thực hiện các biện pháp này để góp phần nâng cao năng lực NCKH của GV.

**Bảng 1.** Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Cơ quan ban ngành

Các biện pháp	Mức độ					ĐTB	
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	CB QL	GV
Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cần có chính sách để cấp kinh phí cho hoạt động NCKH ở trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh/TP hoặc giao/đặt hàng cho trường một số đề tài, dự án cấp Bộ	65 (33,0)	93 (47,2)	35 (17,8)	4 (2,0)	0 (0,0)	3,11	3,11
Bộ GD&ĐT cần có chính sách đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm để nâng cao năng lực NCKH trong hệ thống các trường ĐH địa phương	53 (26,9)	96 (48,7)	40 (20,3)	8 (4,1)	0 (0,0)	2,98	2,98
Sở KH&CN và các cơ quan, ban ngành trong tỉnh/TP tạo điều kiện và giao/đặt hàng cho trường các đề tài cấp Tỉnh để cán bộ, GV của trường có điều kiện nâng cao năng lực NCKH & CGCN	70 (35,5)	90 (45,7)	31 (15,7)	6 (3,0)	0 (0,0)	3,14	3,14

Bảng 1 cho thấy biện pháp “Sở KH&CN và các cơ quan, ban ngành trong tỉnh/TP tạo điều kiện và giao/đặt hàng cho Trường các đề tài cấp Tỉnh để cán bộ, GV của trường có điều kiện nâng cao năng lực NCKH & CGCN” được đánh giá cao với ĐTB=3,14, ứng với mức đồng ý. Biện pháp này có đến hơn 80,0% CBQL và GV lựa chọn mức “đồng ý” trở lên. Theo kết quả này thì các cơ quan quản lý cấp trên cần có những đơn đặt hàng/giao đề tài để các trường thực hiện, thông qua đó nâng cao được năng lực NCKH của GV. Theo sát là biện pháp “Bộ GD&ĐT cần có chính sách để cấp kinh phí cho hoạt động NCKH ở trường ĐH công lập trực thuộc tỉnh/TP hoặc giao/đặt hàng cho trường

một số đề tài, dự án cấp Bộ” với ĐTB=3,11, cũng ứng với thang điểm chuẩn mức đồng ý. Biện pháp này có đến 80,2% CBQL và GV lựa chọn từ rất đồng ý đến đồng ý. Kết quả này dường như là biện pháp “cứu cánh” cho những trường ĐH công lập trực thuộc Tỉnh/TP, bởi lẽ trước giờ Bộ GD&ĐT thiếu sự “ưu ái” về mặt kinh phí để các trường hoạt động NCKH.

Cuối cùng là biện pháp Bộ GD&ĐT cần có chính sách đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm để nâng cao năng lực NCKH trong hệ thống các trường ĐH địa phương” với ĐTB=2,98. Biện pháp này cũng ứng với thang điểm chuẩn mức đồng ý và có hơn 70,0% CBQL và GV lựa chọn mức “đồng ý” trở

lên. Việc đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm để nâng cao năng lực NCKH cần chú trọng đến chất lượng và phát huy hết công suất hoạt động của phòng thí nghiệm.

Như vậy, các biện pháp trong nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Cơ quan ban ngành đều được CBQL và GV nhận thức là “đồng ý” khi có điểm trung bình (ĐTB) trải dài từ 2,98 đến 3,14 (ứng thang điểm chuẩn mức đồng ý). Kết quả này cho thấy các biện pháp đã đề xuất là cần thiết với việc nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH địa phương.

*2.2.2. Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Trường ĐH (xem bảng 2)*

Kết quả nghiên cứu cho thấy các biện pháp trong nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Trường ĐH được đánh giá ứng với thang điểm chuẩn mức đồng ý và rất đồng ý khi có ĐTB trải dài từ 2,83 đến 3,25. Điều này chứng minh rằng các biện pháp được CBQL và GV nhận định là rất cần thiết

trong việc nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH địa phương.

Nổi trội nhất là biện pháp “*Nâng cao vai trò của Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKH&ĐT) cấp Trường*” (ĐTB = 3,25, ứng thang điểm chuẩn mức rất đồng ý). Đây cũng là biện pháp duy nhất trong nhóm biện pháp được đánh giá là rất đồng ý. Trong khi đó, biện pháp “*Tận dụng nguồn nhân lực có trình độ và thâm niên công tác NCKH trong nhà trường để tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên đề cho GV trẻ, chưa có kinh nghiệm NCKH để nâng cao đồng bộ cho mọi GV*” được đánh giá ở vị trí cuối cùng với ĐTB = 2,82. Mặc dù được đánh giá ở vị trí cuối cùng nhưng biện pháp này cũng được CBQL và GV đồng ý là có thể nâng cao năng lực NCKH cho GV các trường ĐH MĐ và MTNB.

Các biện pháp còn lại cũng đều được đánh giá ứng với thang điểm chuẩn mức đồng ý khi ĐTB trải dài từ 2,83 đến 3,14. Điều này có nghĩa là tất cả các biện pháp đưa ra khảo sát được CBQL và GV xác nhận là có thể nâng cao năng lực NCKH cho GV các trường ĐH MĐ và MTNB.

*Bảng 2. Nhóm biện pháp về tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Trường ĐH*

Các biện pháp	Mức độ					ĐTB	
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	CB QL	GV
Nâng cao vai trò của HĐKH&ĐT cấp Trường	77 (39,1)	94 (47,7)	24 (12,2)	2 (1,0)	0 (0,0)	3,25	3,25
Đôn đốc việc kiện toàn HĐKH-ĐT cấp đơn vị	76 (38,6)	73 (37,1)	37 (18,8)	11 (5,6)	0 (0,0)	3,09	3,09
Đổi mới công tác quản lý khoa học, đảm bảo tính chủ động, phát huy triệt để tiềm năng chất xám của các nhà khoa học	69 (35,0)	78 (39,6)	42 (21,3)	8 (4,1)	0 (0,0)	3,06	3,06

Xây dựng định hướng NCKH theo từng lĩnh vực và theo từng giai đoạn, nhất là những lĩnh vực trọng điểm	73 (37,1)	80 (40,6)	40 (20,3)	4 (2,0)	0 (0,0)	3,13	3,14
Thành lập quỹ phát triển KH&CN nhằm huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường	78 (39,6)	79 (40,1)	30 (15,2)	10 (5,1)	0 (0,0)	3,14	3,14
Nâng cao năng lực và kỹ năng NCKH của đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu theo hướng chuyên sâu	63 (32,0)	98 (49,7)	31 (15,7)	5 (2,5)	0 (0,0)	3,11	3,11
Xây dựng, quy hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, nhất là đội ngũ làm khoa học, lực lượng đầu đàn về NCKH và có chính sách đầu tư mạnh mẽ để xây dựng nhóm nghiên cứu đủ mạnh, đa lĩnh vực để có thể hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước và dẫn dắt đội ngũ trẻ tham gia NCKH và nâng cao năng lực cho đội ngũ kế cận	54 (27,4)	90 (45,7)	46 (23,4)	3 (1,5)	4 (2,0)	2,95	2,95
Rà soát lại đội ngũ cũng như tuyển dụng, thu hút, đãi ngộ những người có trình độ cao, có thành tích NCKH và những triển vọng trong tương lai để quy hoạch cho phù hợp với lộ trình phát triển của nhà trường và định hướng NCKH trong tương lai	58 (29,4)	85 (43,1)	43 (21,8)	7 (3,6)	4 (2,0)	2,94	2,94
Xây dựng chính sách khuyến khích các chuyên gia trong và ngoài trường (kể cả chuyên gia người nước ngoài) tham gia NCKH và CGCN	44 (22,3)	112 (56,9)	30 (15,2)	7 (3,6)	4 (2,0)	2,94	2,94
Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động NCKH trong công tác kiểm định các bộ môn, khoa chuyên môn, Trung tâm và xem NCKH là tiêu chí quan trọng của hoạt động kiểm định	55 (27,9)	92 (46,7)	38 (19,3)	12 (6,1)	0 (0,0)	2,96	2,96
Cải tiến công tác đánh giá và nghiệm thu kết quả NCKH, lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chuẩn đánh giá công trình NCKH	46 (23,4)	101 (51,3)	37 (18,8)	13 (6,6)	0 (0,0)	2,91	2,91
Tận dụng nguồn nhân lực có trình độ và thâm niên công tác NCKH trong nhà trường để tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên đề cho GV trẻ, chưa có kinh nghiệm NCKH để nâng cao đồng bộ cho mọi GV	41 (20,8)	89 (45,2)	57 (28,9)	10 (5,1)	0 (0,0)	2,82	2,82
Gắn chặt NCKH với đào tạo đặc biệt là đào tạo sau ĐH, hoạt động NCKH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	46 (23,4)	92 (46,7)	41 (20,8)	16 (8,1)	2 (1,0)	2,83	2,83

Chú trọng đề xuất các chế độ khen thưởng kịp thời đối với GV tham gia NCKH, đặc biệt là các GV đạt thành tích cao cụ thể như: tặng giấy khen, tiền thưởng, tiêu chuẩn để bình xét thi đua	46 (23,4)	107 (54,3)	34 (17,3)	8 (4,1)	2 (1,0)	2,95	2,95
Đầu tư nâng cao hàm lượng khoa học của tạp chí khoa học của trường ngang tầm với các tạp chí khoa học ở khu vực và cả nước	43 (21,8)	105 (53,3)	47 (23,9)	2 (1,0)	0 (0,0)	2,96	2,96
Tranh thủ các dự án của các tổ chức trong và ngoài nước để tổ chức NCKH, CGCN và tiếp nhận công nghệ hiện đại	50 (25,4)	113 (57,4)	33 (16,8)	0 (0,0)	1 (0,5)	3,07	3,07
Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin khoa học với các tỉnh, nắm bắt nhu cầu, nhiệm vụ NCKH, phát triển KT - XH và đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh	51 (25,9)	92 (46,7)	48 (24,4)	6 (3,0)	0 (0,0)	2,95	2,95
Triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống ở các địa phương đồng thời bổ sung kiến thức, tài liệu giảng dạy...	44 (22,3)	91 (46,2)	55 (27,9)	2 (1,0)	5 (2,5)	2,85	2,85

### 2.2.3. Nhóm biện pháp về nâng cao năng lực NCKH (xem bảng 3)

Bảng 3 cho thấy biện pháp “*Mỗi GV phải thấy được trách nhiệm của mình trong việc tham gia NCKH và hướng dẫn sinh viên tham gia NCKH*” là biện pháp có ĐTB nổi trội nhất so với các biện pháp trong nhóm biện pháp nâng cao năng lực NCKH. Với ĐTB = 3,10, biện pháp này được đánh giá ứng với thang điểm chuẩn mức “đồng ý” với hơn 80,0% CBQL và GV nhận định. Thật vậy, việc nâng cao năng lực NCKH cho GV cần được xuất phát từ chính trong nhận thức của mỗi cá nhân GV. Đó chính là nguyên nhân sâu xa và gốc rễ của mọi vấn đề. Mỗi GV phải thấy được trách nhiệm của mình trong việc tham gia NCKH, thấy được hoạt động NCKH không những là trách nhiệm mà còn là hoạt động góp phần nâng cao năng lực chuyên môn đối với khoa học chuyên ngành và giảng dạy.

Kế đến là biện pháp “*Đẩy mạnh*

*triển khai ứng dụng và CGCN, đồng thời tận dụng nguồn kinh phí NCKH từ bên ngoài*” với ĐTB = 2,94, ứng thang điểm chuẩn mức đồng ý. Biện pháp này đặt ra yêu cầu của cấp quản lý nhà trường phải tạo được thương hiệu đến các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp bên ngoài nhà trường trong lĩnh vực NCKH, bởi lẽ thông thường những đề tài được triển khai ứng dụng, CGCN là những đề tài mang tính thực tiễn cao, đem lại nhiều lợi ích cho một số cá nhân, đơn vị nhất định.

Biện pháp “*Đầu tư dài hạn cho đội ngũ đầu đàn, nhóm nghiên cứu mạnh, đa lĩnh vực để có thể hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước và dẫn dắt đội ngũ trẻ tham gia NCKH và nâng cao năng lực cho đội ngũ kế cận được đánh giá vị trí tiếp theo*” với ĐTB = 2,91, cũng ứng với thang điểm chuẩn mức đồng ý. Hoạt động NCKH là một hoạt động trí tuệ, đòi hỏi chuyên môn sâu rộng, sáng tạo. Chính vì lẽ đó mà việc phát triển những

đội ngũ, nhóm NCKH là điều cần thiết tại các trường. Biện pháp này còn giúp đội ngũ GV, những người nghiên cứu trẻ có cơ hội được học hỏi, rèn luyện khả năng NCKH của mình thông qua các đề tài cùng với những GV có kinh nghiệm dày dặn trong hoạt động NCKH.

Với ĐTB = 2,89, ứng thang điểm chuẩn mức đồng ý thì biện pháp “*Tổ chức (hoặc phối hợp tổ chức) các hội thảo khoa học cấp trường, tỉnh, khu vực, quốc gia và quốc tế*” đứng vị trí kế tiếp. Tổ chức hội thảo khoa học là một trong những biện pháp nâng cao năng lực NCKH cho GV. Tùy theo điều kiện mà các trường có thể tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội thảo NCKH cấp trường, tỉnh, khu vực, quốc gia hay quốc tế. Thông qua hội thảo, các kết quả nghiên cứu của các cá nhân, tập thể sẽ được mổ xẻ và phát triển, đồng thời cũng là cơ hội để những người nghiên cứu trẻ có dịp được học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu tri thức chuyên ngành cho lĩnh vực của mình. Với ý nghĩa này, chúng tôi thiết nghĩ đây

sẽ là một biện pháp cần thiết cho việc nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH MĐ&MTNB.

Cuối cùng là biện pháp “*Liên kết hợp tác nghiên cứu để nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, GV*” có ĐTB = 2,84, ứng thang điểm chuẩn mức đồng ý. Một lần nữa, tinh thần NCKH trong tập thể, phát triển nhóm nghiên cứu “điểm” cần được phát huy trong nội bộ trường và liên trường. Biện pháp là cách thức để huy động trí tuệ khoa học của cá nhân và tập thể những người NCKH cùng ngành hoặc liên ngành với nhau. Chính vì ý nghĩa đó mà biện pháp này được CBQL và GV cho rằng cần thiết với việc nâng cao năng lực NCKH của GV.

Tóm lại, các biện pháp trong nhóm biện pháp nâng cao năng lực NCKH đều được CBQL và GV các trường nhận định là đồng ý cho việc nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH địa phương. Các ĐTB thu được đều thuộc mức điểm chuẩn mức đồng ý (từ 2,41 đến 3,2).

**Bảng 3.** Nhóm biện pháp về nâng cao năng lực NCKH

Các biện pháp	Mức độ					ĐTB	
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	CB QL	GV
Tổ chức (hoặc phối hợp tổ chức) các hội thảo khoa học cấp trường, tỉnh, khu vực, quốc gia và quốc tế	43 (21,8)	103 (52,3)	39 (19,8)	11 (5,6)	1 (0,5)	2,89	2,89
Liên kết hợp tác nghiên cứu để nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, GV	41 (20,8)	104 (52,8)	38 (19,3)	8 (4,1)	6 (3,0)	2,84	2,84
Đẩy mạnh triển khai ứng dụng và CGCN, đồng thời tận dụng nguồn kinh phí NCKH từ bên ngoài	51 (25,9)	92 (46,7)	45 (22,8)	9 (4,6)	0 (0,0)	2,94	2,94
Đầu tư dài hạn cho đội ngũ đầu đàn, nhóm nghiên cứu mạnh, đa lĩnh vực để có thể hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước và	44 (22,3)	109 (55,3)	32 (16,2)	7 (3,6)	5 (2,5)	2,91	2,91

đầu dắt đội ngũ trẻ tham gia NCKH và nâng cao năng lực cho đội ngũ kế cận							
Mỗi GV phải thấy được trách nhiệm của mình trong việc tham gia NCKH và hướng dẫn sinh viên tham gia NCKH	66 (33,5)	93 (47,2)	31 (15,7)	6 (3,0)	1 (0,5)	3,10	3,10

#### 2.2.4. Nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước

Bảng 4 cho thấy hai biện pháp trong nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước được CBQL và GV nhận định là đồng ý khi có ĐTB trong khoảng từ 2,41 đến 3,2. Cụ thể, “Mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu với các viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cao năng lực NCKH

cho cán bộ, GV của trường” là biện pháp nổi trội nhất với ĐTB = 3,06, ứng với thang điểm chuẩn mức đồng ý. Kết quả này cho thấy hoạt động hợp tác NCKH với các viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước được nhóm khách thể đồng tình ủng hộ, đặc biệt là việc đưa NCKH vượt ra khỏi phạm vi trong nước, tiếp cận với nền khoa học của thế giới.

**Bảng 4.** Nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước

Các biện pháp	Mức độ					ĐTB	
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	CB QL	GV
Gắn kết hoạt động NCKH của nhà trường với các viện, trường, doanh nghiệp, các đơn vị bên ngoài, các tổ chức trong và ngoài nước	56 (28,4)	99 (50,3)	31 (15,7)	10 (5,1)	1 (0,5)	3,01	3,01
Mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu với các viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cao năng lực NCKH cho cán bộ, GV của trường	55 (27,9)	103 (52,3)	36 (18,3)	1 (0,5)	2 (1,0)	3,06	3,06

Biện pháp “Gắn kết hoạt động NCKH của nhà trường với các viện, trường, doanh nghiệp, các đơn vị bên ngoài, các tổ chức trong và ngoài nước” cũng được nhóm khách thể nhận định là đồng ý với ĐTB = 3,01. Biện pháp này góp phần tăng tính thực tiễn cho các đề tài NCKH, tranh thủ sự đầu tư kinh phí của các đơn vị cho hoạt động NCKH và đặc biệt là nâng cao năng lực NCKH cho GV nói chung và GV các trường ĐH địa phương nói riêng.

Suy cho cùng, hai biện pháp này là

hai biện pháp trọng tâm trong nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước mà người quản lý cần thực hiện khi muốn nâng cao năng lực NCKH của GV. Một biện pháp quan tâm việc “hướng nội”, còn một biện pháp chú trọng việc “hướng ngoại” đối với việc nâng cao năng lực NCKH của GV. Thiết nghĩ đây sẽ là hai biện pháp cần thiết trong việc nâng cao năng lực NCKH của GV.

2.2.5. Nhóm biện pháp về chuyển giao khoa học công nghệ (xem bảng 5)



**Bảng 5. Nhóm biện pháp về chuyển giao khoa học công nghệ**

Các biện pháp	Mức độ					ĐTB	
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	CB QL	GV
Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho trại và phân xưởng sản xuất thực nghiệm (pilot) để có đủ điều kiện thực hiện những đề tài sản xuất thử nghiệm (sau khi đã hoàn thành quy trình công nghệ)	57 (28,9)	97 (49,2)	30 (15,2)	11 (5,6)	2 (1,0)	2,99	2,99
Hỗ trợ chủ nhiệm đề tài đăng kí nhãn hiệu hàng hóa để quảng bá sản phẩm	55 (27,9)	113 (57,4)	23 (11,7)	3 (1,5)	3 (1,5)	3,09	3,09
Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, CGCN dưới dạng sản xuất thử nghiệm	57 (28,9)	109 (55,3)	24 (12,2)	6 (3,0)	1 (0,5)	3,09	3,09
Có nhiều hình thức giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu của trường để ứng dụng vào thực tế thông qua hợp đồng sản xuất, CGCN	54 (27,4)	112 (56,9)	23 (11,7)	7 (3,6)	1 (0,5)	3,07	3,07

Bảng 5 cho thấy ĐTB đánh giá mức độ đồng ý của CBQL và GV đối với nhóm biện pháp về CGCN ứng thang điểm chuẩn mức đồng ý khi có ĐTB trải dài từ 2,99 đến 3,09.

Nổi trội hơn hết là hai biện pháp “Hỗ trợ chủ nhiệm đề tài đăng kí nhãn hiệu hàng hóa để quảng bá sản phẩm” và “Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, CGCN dưới dạng sản phẩm thử nghiệm” (ĐTB = 3,09, ứng với mức đồng ý).

Hai biện pháp còn lại cũng ứng thang điểm chuẩn mức đồng ý: “Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho trại và phân xưởng sản xuất thực nghiệm (pilot) để có đủ điều kiện thực hiện những đề tài sản xuất thử nghiệm (sau khi đã hoàn thành quy trình công nghệ)” (ĐTB = 2,99); “Có nhiều hình thức giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu của trường để ứng dụng vào thực tế thông qua hợp đồng sản

xuất, CGCN” (ĐTB = 3,07). Cả hai biện pháp này đều tập trung vào việc quảng bá sản phẩm NCKH của GV trên cơ sở áp dụng kết quả nghiên cứu vào trong cuộc sống và sản xuất. Lẽ tất nhiên, kết quả của công tác thử nghiệm sẽ là công cụ để tuyên truyền và quảng bá sản phẩm hiệu quả nhất.

Với kết quả trên, thiết nghĩ nhóm biện pháp này thực sự cần thiết đối với những người quản lí hoạt động khoa học công nghệ các trường ĐH địa phương trong việc nâng cao năng lực NCKH của GV. Nhìn chung, các biện pháp trong nhóm biện pháp này được đánh giá là khả thi trong việc nâng cao năng lực NCKH của GV. Trong nhóm biện pháp có nhiều biện pháp mang tính mới mẻ, đột phá, hứa hẹn sẽ đem đến cho hoạt động nghiên cứu của GV nhiều “màu sắc” mới.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy:

- Mức độ khả thi của các biện pháp trong nhóm biện pháp tổ chức, quản lý và đầu tư kinh phí, trang thiết bị cấp Trường ĐH được cả CBQL và GV đánh giá ứng với thang điểm chuẩn mức khả thi khi ĐTB thu được từ 2,75 đến 3,16.

- Các biện pháp trong nhóm biện pháp về nâng cao năng lực NCKH được CBQL và GV đánh giá là khả thi trong việc nâng cao năng lực NCKH của GV các trường ĐH MĐ và MTNB (ĐTB trái dài từ 2,97 đến 3,03).

- Nhóm biện pháp về hợp tác trong và ngoài nước cũng được đánh giá là khả thi từ phía CBQL và GV khi có ĐTB trái

dài từ 2,93 đến 3,05, ứng thang điểm chuẩn mức khả thi.

- Nhóm biện pháp về chuyển giao khoa học công nghệ được đánh giá là khả thi trong việc nâng cao năng lực của GV. Trong đó, biện pháp “Có nhiều hình thức giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu của trường để ứng dụng vào thực tế thông qua hợp đồng sản xuất, CGCN” được đánh giá ưu tiên hàng đầu về tính khả thi với ĐTB = 3,07.

Nhìn chung, đây là những biện pháp nhằm nâng cao năng lực của GV được ủng hộ và tán thành. Việc còn lại là xem xét tiến trình và điều kiện thực tiễn để áp dụng nhằm nâng cao năng lực NCKH của GV hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Tú Nga (2011), “Thực trạng và các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học Huế”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, số 68.
2. Huỳnh Văn Sơn (2010), *Những cơ sở tâm lý của hoạt động dạy và học tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Việt Sự (2006), “Cơ sở khoa học và giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên các trường sư phạm kỹ thuật”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 13, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Tuấn (2011), *Đi vào nghiên cứu khoa học*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Hồ Thảo (2006), *Một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
6. Vũ Tiến Trinh (1994), *Nghiên cứu những giải pháp để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Hà Nội.
7. Dương Thiệu Tống (2002), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-11-2015; ngày phản biện đánh giá: 20-11-2015;  
ngày chấp nhận đăng: 25-11-2015)